



chōng zǒu

冲走

verb phrase · to wash away; to flush away

Example Sentences

dà yǔ bǎ ní tǔ chōng zǒu le
大雨把泥土冲走了。

The heavy rain washed away the soil.

hóng shuǐ chōng zǒu le hé biān de fáng zi
洪水冲走了河边的房子。

The flood washed away the houses by the river.

qǐng yòng qīng shuǐ bǎ wū zì chōng zǒu
请用清水把污渍冲走。

Please use clean water to flush away the stain.

Trace each character, then write the word on your own.

冲	冲	冲	冲	冲	冲	冲	冲	冲	
走	走	走	走	走	走	走	走	走	走